

UBND THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ
TRƯỜNG TIỂU HỌC BẾ VĂN ĐÀN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Bế Văn Đàn

2. Địa chỉ trụ sở chính:

Tổ 1 – Phường Thanh Bình – Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Điện thoại:

Thư điện tử: tranthihuongthbvd@gmail.com

Trang thông tin điện tử: thbevandan.pgdtptdienbienphu.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1. Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nề nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

4.2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Giá trị cốt lõi của nhà trường:

- Đoàn kết - Trách nhiệm;

- Trung thực - Sáng tạo;

- Kỷ luật - Hợp tác - Chia sẻ;

- Công bằng - Khách quan;

- Tập trung vào kết quả và con người.

4.4. Mục tiêu: Xây dựng trường tiểu học Bế Văn Đàn trở thành trường học hạnh phúc với các tiêu chí Yêu thương – An toàn – Tôn trọng

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Bà Đinh Thị Thanh Nhàn Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bế Văn Đàn - Tổ 1 – Phường Thanh

Bình – Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Số điện thoại: 0916971368; Địa chỉ thư điện tử: nhanmth@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

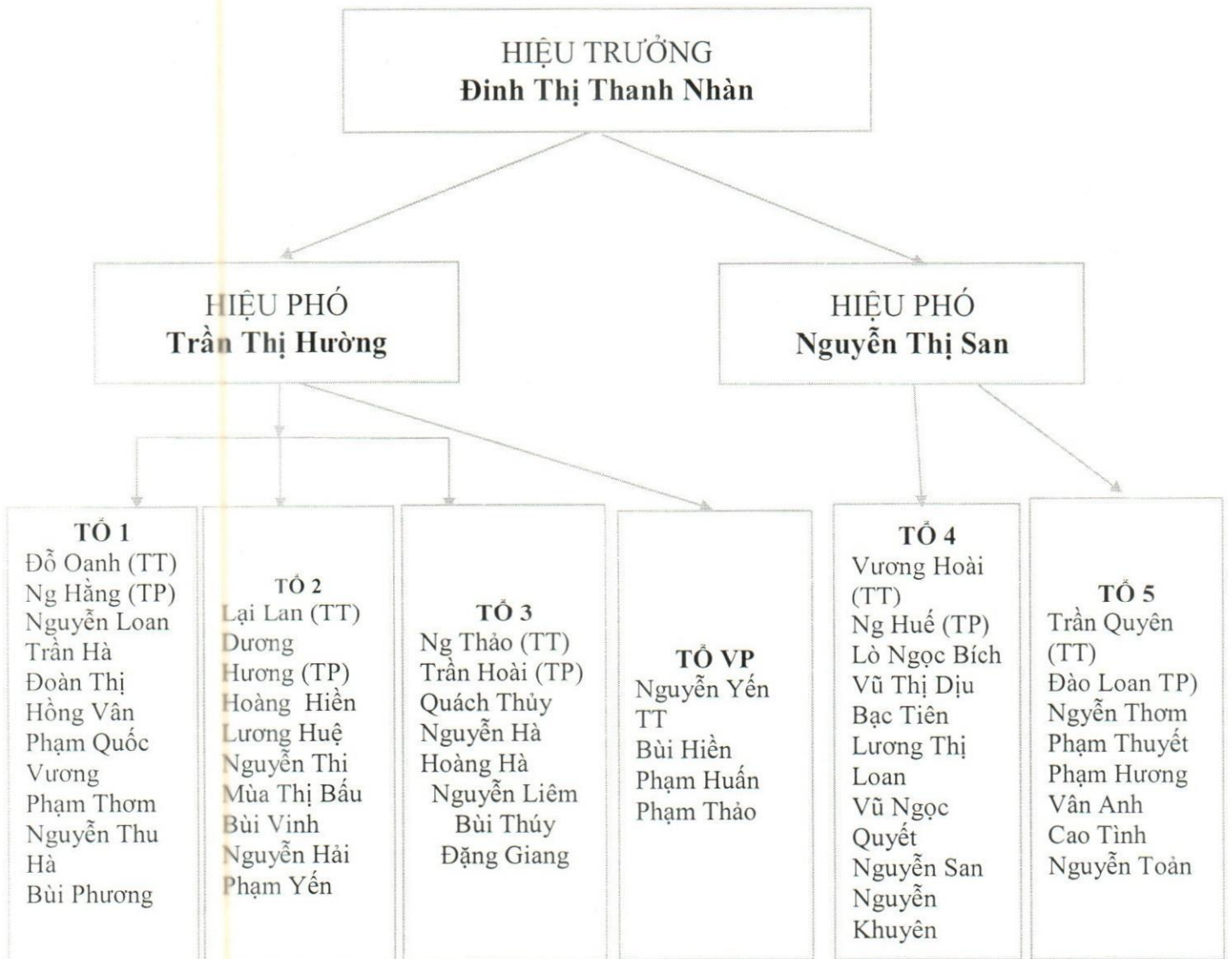
a) Quyết định thành lập trường số 56/QĐ-UBND, ngày 15 tháng 1 năm 2023 của UBND thành phố ĐBP về việc thành lập Hội đồng trường tiểu học Bế Văn Đàn, thành phố Điện Biên Phủ, nhiệm kỳ 2023-2028

b) Quyết định kiện toàn Hội đồng trường số 276/QĐ-CTUBND, ngày 31 tháng 1 năm 2024 của UBND thành phố Điện Biên.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

Quyết định điều động số 1005/QĐ-UBND, ngày 07/06/2024 của UBND thành phố Điện Biên Phủ, Quyết định về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý. Điều động đồng chí Đinh Thị Thanh Nhân về làm Hiệu trưởng trường TH Bế Văn Đàn kể từ ngày 15/6/2024.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động



đ) Lãnh đạo cơ sở giáo dục:

(1). Bà Đinh Thị Thanh Nhân - Chức vụ: Hiệu trưởng; Điện thoại: 0916971368;
Thư điện tử: nhancmth@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bé Văn Đàn - Tổ 1 – Phường Thanh Bình
– Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

* Nhiệm vụ:

- Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

- Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó;

- Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định;

- Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường; Chủ tài khoản.

- Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường quyết định khen thưởng, kỷ luật,

- Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần

- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục;

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

- Chủ trì soạn thảo các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường. Chỉ đạo công tác kiểm tra nội bộ trường học. Công tác bí mật nhà nước.

- Trực tiếp tiếp công dân.

(2). Bà Trần Thị Hương - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng; Điện thoại: 0915748250;
Thư điện tử: tranthihuongmoi@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Bé Văn Đàn - Tổ 1 – Phường Thanh Bình
– Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

* Nhiệm vụ:

- Chỉ đạo chuyên môn chung của trường, chỉ đạo tổ chuyên môn khối 1,2,3; Tổ văn phòng.

- Phụ trách bán trú, công đoàn.
- Phụ trách lao động, vệ sinh, CSVC, thư viện thiết bị, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn trường học, phổ cập, thống kê, công nghệ thông tin, công tác khuyến học, chữ thập đỏ.
- Chịu trách nhiệm về công tác kiểm định chất lượng giáo dục, đánh giá ngoài, hồ sơ thi đua của nhà trường.
- Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp khối 1,2,3.
- Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công.
- Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.
- Kí duyệt các báo cáo, kí duyệt hồ sơ kế hoạch tổ trưởng chuyên môn, của giáo viên khi kiểm tra trong phạm vi khối do mình trực tiếp phụ trách.
- Tham mưu và báo cáo cho hiệu trưởng về các nội dung được phân công.
- Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 4 tiết/ tuần.

(3). Bà Nguyễn Thị San – Chức vụ: Phó Hiệu trưởng; Điện thoại: 0912988076; Thư điện tử: nguyensanmoi1976@gmail.com

* Nhiệm vụ:

- Trực tiếp chỉ đạo tổ chuyên môn khối 4,5. Tổ chức kiểm tra xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường.
- Phụ trách Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên.
- Phụ trách về phong trào và các cuộc thi của CBGVNV, HS.
- Chịu trách nhiệm về hồ sơ công tác kiểm tra nội bộ trường học.
- Giúp HT phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp khối 4,5.
- Chịu trách nhiệm điều hành công việc do hiệu trưởng phân công.
- Điều hành hoạt động của nhà trường khi được hiệu trưởng ủy quyền.
- Kí duyệt các báo cáo, kí duyệt hồ sơ kế hoạch tổ trưởng chuyên môn, của giáo viên khi kiểm tra trong phạm vi khối do mình trực tiếp phụ trách.
- Tham mưu và báo cáo cho hiệu trưởng về các nội dung được phân công.
- Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy 4 tiết/ tuần.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển giáo dục; quy chế dân chủ; các nghị quyết của Hội đồng trường,...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc đang thực hiện	Trình độ đào tạo				Chuẩn nghề nghiệp		Bồi dưỡng thường xuyên		Ghi chú
			TS	ĐH	CĐ	TC	Tốt	Khá	HT	CHT	
	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	3		3	0	0		3	0		
I							3	0	3	0	
1	Hiệu trưởng	1		1	0	0	1	0	1	0	
2	Phó Hiệu trưởng	1		1	0	0	1	0	1	0	
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	42		39	3	0		0	42	0	
							42				
1	Giáo viên tiểu học hạng I	0		0	0	0	0	0	0	0	
2	Giáo viên tiểu học hạng II	25		25	0	0	25	0	25	0	
3	Giáo viên tiểu học hạng III	17		14	3	0	17	0	17	0	
4	Giáo vụ										
5	Tư vấn học sinh										
4	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật										
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung	3		2	0	1					
1	Thư viện	1		1	0	0					
2	Quản trị công sở	0									
3	Văn thư	1		0	0	1					
4	Thủ quỹ	0		0	0	0					
5	Kế toán	1		1	0	0					
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	2									
1	Y tế học đường	0									
2	Nhân viên Bảo vệ	2		0	0	0				2 đ.c chưa qua ĐT	
3	Nhân viên Phục vụ	0									
	Cộng (I+II=III+IV)	49		43	3	1				2 đ.c chưa qua ĐT	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	27/27	Số m²/học sinh

II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	25	-
2	Phòng học bán kiên cố	2	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	5185	5,24 m ² / HS
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2300	2,32 m ² / HS
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1327	1,34 m ² / HS
2	Diện tích thư viện (m ²)	36	0,04 m ² / HS
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	36	0,04 m ² /HS
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	36	0,04 m ² /HS
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	36	0,04 m ² / HS
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	36	0,04 m ² / HS
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	18	0,02 m ² / HS
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	18	2,25 m ² / HS
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	18	0,02 m ² / HS
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	26	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	26	
1.1	Khối lớp 1	5	1 bộ / lớp
1.2	Khối lớp 2	5	1 bộ / lớp
1.3	Khối lớp 3	5	1 bộ / lớp
1.4	Khối lớp 4	5	1 bộ / lớp
1.5	Khối lớp 5	6	1 bộ / lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	19	2 HS/ 1bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	11	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	30	1 máy /1 lớp

5	Máy photo	2	
6	Tăng âm	2	
7	Máy tính		
8	Máy chiếu vật thể	9	1 máy / 3 lớp

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	175
XI	Nhà ăn	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	26 phòng = 1327m ²	823	1,6m ²
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2		0,12 m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục:

Mức 1: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 1;

Mức 2: 27/27 (100%) Tiêu chí đạt Mức 2;

Mức 3: 19/19 (100%) Tiêu chí đạt Mức 3.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4: 3/5 Tiêu chí đạt mức 4 (tỷ lệ 60%).

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia:

Nhà trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 350/QĐ-SGDĐT, ngày 17/06/2022 của Sở giáo dục tỉnh Điện Biên và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 theo quyết định số 1067/QĐ-UBND, ngày 21/06/2022 của UBND tỉnh Điện Biên.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Số lượng học sinh:

Khối	Số lớp	TS HS	Nam	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	Học 2 buổi/ngày	Chuyển trường	
								Chuyển đến	Chuyển đi
K1	5	190		74	34	1	190		
K2	5	189		81	20	2	189		
K3	5	210		105	33	2	210		
K4	5	209		103	32	1	209		
K5	6	192		85	22	2	192		
TS	26	990		448	141	8	990		

b) Kết quả đánh giá học sinh

- Các môn học và hoạt động giáo dục
- + Hoàn thành tốt và hoàn thành: 990/990 đạt 100%
- + Chưa hoàn thành: 0
- Năng lực: Tốt và đạt: 990/990 đạt 100%
- Phẩm chất: Tốt và đạt: 990/990 đạt 100%
- Chuyển lớp: 798/798 đạt 100%
- Hoàn thành chương trình tiểu học: 192/192 đạt 100%.

* Khen thưởng:

- HS xuất sắc/Học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện (khối 5): 25/192 em đạt 13%.

- Học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện (khối 1,2,3,4): 303/797 em đạt 38%; Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện (khối 5): 63/192 em đạt 32,8%.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷

(Có biểu chi tiết kèm theo)

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Thực hiện hiệu quả, sáng tạo các cuộc vận động: Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII, cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm

gương đạo đức, tự học và sáng tạo", các phong trào thi đua: "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới", " Vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau"; "Cán bộ, công chức, viên chức thành phố Điện Biên Phủ thi đua thực hiện văn hóa công sở"; "Chuyển đổi số" và phong trào thi đua "Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập"; hưởng ứng Phong trào thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng kỷ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954-07/5/2024), 115 năm thành lập tỉnh (28/6/1909-28/6/2024), 75 năm thành lập Đảng bộ tỉnh Điện Biên (10/10/1949-10/10/2024) ...

2. Các hoạt động chuyên môn dạy và học

2.1. Kết quả thực hiện các hoạt động chuyên môn

- Đã xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy.

- Triển khai thực hiện tốt chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện tốt các nội dung lồng ghép; tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm cho HS.

- Tổ chức dạy tin học, Tiếng Anh bắt buộc và Tiếng Anh tự chọn lớp 1,2.

- 100% cán bộ, giáo viên tự học và tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ UDCNTT. 100% cán bộ giáo viên tham gia chương trình bồi dưỡng thường xuyên theo kế hoạch. BGH, GV chuyên, GV dạy lớp 5 hoàn thành tập huấn giới thiệu SGK lớp 5.

- Tích cực tham gia thi GVDG cấp TP, cấp tỉnh : Có 12 GV đạt danh hiệu GVDG cấp TP (Trong đó có 1 GV đạt giải nhất, 01 GV đạt giải nhì, 1 giải ba và 2 giải khuyến khích...); Có 5 GV đạt danh hiệu GVDG cấp tỉnh (Trong đó có 4 GV được SGD tặng giấy khen có thành tích xuất sắc trong Hội thi).

- Thực hiện nghiêm túc sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối trong trường và cụm trường. Tập trung vào các nội dung: Các tiết dạy thống nhất phương pháp theo SGK mới, giáo dục STEM,...

- Nhà trường đã triển khai và thực hiện tốt đề án 06: Thường xuyên cập nhật thông tin cán bộ, giáo viên, học sinh; thông tin cá nhân xác thực với CSDLQGDC trên phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia ngành Giáo dục và Đào tạo. Triển khai thực hiện thanh toán theo phương thức không dùng tiền mặt. Kết quả 100% phụ huynh có tài khoản ngân hàng và thực hiện thanh toán bằng thẻ, 100% học sinh được hưởng chế độ chính sách đã được nhận tiền chế độ thông qua hình thức chuyển khoản.

2.2. Kết quả các cuộc thi:

- Thi tiếng Anh qua mạng: cấp trường: Có 157 học sinh đạt giải; cấp TP: đạt 154 giải; Cấp tỉnh có 92 HS được vinh danh; Quốc gia: 04 học sinh được vinh danh, trong đó (Vàng 1, bạc 1; đồng 1; khuyến khích 1)

- Thi Toán qua mạng cấp trường trao 448 giải Cấp TP: 150 giải ; Cấp tỉnh 0 HS đạt giải

- Thi TNTV: cấp trường Có 484 học sinh đạt giải; Cấp TP: 241 giải; Cấp tỉnh có 150 HS đạt giải;

- Thi Hội khỏe Phù Đổng cấp TP: Đạt 15 giải (4 giải nhất, 3 giải nhì, 8 giải ba) đạt giải nhì toàn đoàn.

- Thi vẽ tranh trường học hạnh phúc trao 31 giải (Đặc biệt: 01 giải; nhất: 5 giải; nhì 5 giải; ba: 5 giải; khuyến khích: 15 giải; Vẽ tranh hành trình mùa xuân: 976 bài; Viết thư quốc tế UPU:318 bài;

Cuộc thi vẽ tranh vẽ tranh Sắc màu Điện Biên có 893 bài dự thi

- Thi viết chữ đẹp, viết sáng tạo: 245 giải, trong đó : Nhất: 20 giải; nhì 59 giải; Ba: 118 giải; khuyến khchs: 48 giải.

- Thi bơi cấp trường: Đạt 72 giải (8 nhất, 8 nhì, 16 ba, 40 giải khuyến khích),

- Thi bơi cấp TP: Đạt 12 giải (3 nhất, 6 nhì, 3 ba), đạt giải Nhất toàn đoàn.

3. Công tác truyền thông về giáo dục tiểu học

Thực hiện tốt công tác truyền thông về giáo dục: Đăng tải kịp thời trên Zalo, Facebook, Website các nội dung tuyên truyền, tin bài về các hoạt động của nhà trường.

Nội dung truyền thông tập trung vào: Công tác chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới, HS tựu trường, Lễ khai giảng, tuyên truyền về ATGT, Hội nghị CBVC, hiến máu nhân đạo, giao lưu với HS Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề hỗ trợ trẻ thiệt thòi, tổ chức trung thu cho học sinh. Thay SGK theo CT GDPT 2018; chào mừng 20/10, 20/11, 22/12; thi GVĐG cấp trường, cấp thành phố; HKPD; các cuộc thi, HĐTN, các hoạt động chào mừng kỉ niệm 70 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, Lễ hội hoa ban, năm du lịch quốc gia.... tuyên truyền về Luật trẻ em, Luật phòng chống ma túy và phòng chống tai nạn thương tích.

Trong năm học có 11 tin bài đăng trên Website của trường và PGD.

4. Thực hiện tốt công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho học sinh.

5. Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học, quy chế dân chủ trong nhà trường và công khai theo quy định.

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Đinh Thị Thanh Nhân

Biểu số 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Trường tiểu học Bế Văn Đàn

Chương: 622

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI KHOẢN ĐÓNG GÓP CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NĂM HỌC 2023 - 2024

(Dùng cho các đơn vị có thu và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I	Tổng số tiền huy động được	960.280.000	
1	Của các tổ chức		
2	Của các cá nhân	960.280.000	
2.1	Thu các khoản thỏa thuận	153.760.000	
	Tiền nước uống	67.270.000	
	Tiền vệ sinh	86.490.000	
2.2	Thu tiền vận động tài trợ	378.810.000	
	Hỗ trợ học tập, phong trào và khen thưởng học sinh	282.505.000	
	Cải tạo cảnh quan trường lớp	96.305.000	
2.3	Thu tiền dạy tiếng Anh lớp 1,2	427.710.000	
II	Sử dụng số tiền huy động được	960.280.000	
1	Các khoản thỏa thuận	153.760.000	
	Tiền nước uống	67.270.000	
	Tiền vệ sinh	86.490.000	
2	Tiền vận động tài trợ	378.810.000	
	Hỗ trợ học tập, phong trào và khen thưởng học sinh	282.505.000	
	Cải tạo cảnh quan trường lớp	96.305.000	
3	Tiền dạy tiếng Anh lớp 1,2	427.710.000	
II	Số tiền huy động được còn dư	-	
1	Các khoản thỏa thuận	-	
	Tiền nước uống	-	
	Tiền vệ sinh	-	

Ngày 31 tháng 05 năm 2024

Trưởng đơn vị



Trần Thị Hương

Đơn vị: Trường tiểu học Bé Văn Đàn

Chương: 622

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu	450.758.700	
1	Thu phí, lệ phí		
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)		
4	Thu sự nghiệp khác	450.758.700	
	- Thu các khoản thỏa thuận	71.948.700	
	- Thu tiền vận động tài trợ	378.810.000	
	- Thu tiền dạy tiếng Anh lớp 1,2		
	- Tiền trông giữ xe đạp		
II	Số thu nộp NSNN		
1	Phí, lệ phí		
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
	(Chi tiết theo từng loại thu)		
III	Số đ-ược để lại chi theo chế độ	450.758.700	
1	Phí, lệ phí		
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Thu viện trợ		
4	Hoạt động sự nghiệp khác	450.758.700	
	- Thu các khoản thỏa thuận	71.948.700	
	- Thu tiền vận động tài trợ	378.810.000	
	- Thu tiền dạy tiếng Anh lớp 1,2		
	- Tiền trông giữ xe đạp		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà n-ước	4.847.649.525	
1	Loại 490 khoản 491	4.847.649.525	
	+ Tiểu mục 6001	2.112.912.000	
	+ Tiểu mục 6051	43.680.000	
	+ Tiểu mục 6101	27.270.000	
	+ Tiểu mục 6102	248.400.000	
	+ Tiểu mục 6105	20.159.182	
	+ Tiểu mục 6112	1.017.160.740	
	+ Tiểu mục 6113	6.480.000	
	+ Tiểu mục 6115	446.351.625	

	+ Tiêu mục 6149	15.966.000	
	+ Tiêu mục 6199	1.500.000	
	+ Tiêu mục 6299	51.850.000	
	+ Tiêu mục 6301	460.287.384	
	+ Tiêu mục 6302	78.906.408	
	+ Tiêu mục 6303	52.604.274	
	+ Tiêu mục 6304	26.279.352	
	+ Tiêu mục 6501	24.317.600	
	+ Tiêu mục 6502	27.196.400	
	+ Tiêu mục 6551	20.590.000	
	+ Tiêu mục 6552	14.950.000	
	+ Tiêu mục 6599	7.741.400	
	+ Tiêu mục 6605	13.200.000	
	+ Tiêu mục 6606	16.512.500	
	+ Tiêu mục 6699	2.975.000	
	+ Tiêu mục 6701	1.133.160	
	+ Tiêu mục 6702	3.400.000	
	+ Tiêu mục 6703	450.000	
	+ Tiêu mục 6912	17.634.000	
	+ Tiêu mục 7001	3.874.000	
	+ Tiêu mục 7049	7.473.500	
	+ Tiêu mục 7053	3.000.000	
	+ Tiêu mục 7757	2.145.000	
	+ Tiêu mục 7799	30.000.000	
	+ Tiêu mục 6157	41.250.000	
2	Loại ..., khoản ...		
C	Quyết toán chi nguồn khác		
	- Mục:		
	+ Tiêu mục 7799	450.758.700	
	+ Tiêu mục ...		

* **Ghi chú:** Quyết toán chi nguồn NSNN bao gồm cả nguồn viện trợ

Ngày 05 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đinh Thị Thanh Nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Trường tiểu học Bế Văn Đàn

Chương: 622

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2023

(Dùng cho các tổ chức, đơn vị cấp dưới của các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu		
I	Tổng số thu		
1	Thu hội phí		
2	Thu khác		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	-	
1	Loại 490 khoản 491		
	+ Tiêu mục 6001	2.846.903.900	
	+ Tiêu mục 6051	72.800.000	
	+ Tiêu mục 6101	46.339.010	
	+ Tiêu mục 6102	342.700.000	
	+ Tiêu mục 6105	19.065.227	
	+ Tiêu mục 6112	1.403.532.469	
	+ Tiêu mục 6113	6.854.000	
	+ Tiêu mục 6115	605.813.728	
	+ Tiêu mục 6149	13.544.100	
	+ Tiêu mục 6157	121.758.000	
	+ Tiêu mục 6199	18.200.000	
	+ Tiêu mục 6201	39.600.000	
	+ Tiêu mục 6249	92.739.000	
	+ Tiêu mục 6253	25.533.000	
	+ Tiêu mục 6299	2.100.000	
	+ Tiêu mục 6301	623.272.872	
	+ Tiêu mục 6302	106.846.776	
	+ Tiêu mục 6303	71.021.586	
	+ Tiêu mục 6304	34.746.424	
	+ Tiêu mục 6501	31.744.500	
	+ Tiêu mục 6502	34.436.900	
	+ Tiêu mục 6551	28.518.000	
	+ Tiêu mục 6552	20.045.273	
	+ Tiêu mục 6599	159.411.800	
	+ Tiêu mục 6605	16.323.800	
	+ Tiêu mục 6606	5.562.500	
	+ Tiêu mục 6657	58.442.900	
	+ Tiêu mục 6702	3.300.000	
	+ Tiêu mục 6799	4.750.000	
	+ Tiêu mục 6907	99.898.000	
	+ Tiêu mục 6912	10.655.000	
	+ Tiêu mục 6913	8.300.000	
	+ Tiêu mục 6949	78.031.000	
	+ Tiêu mục 6955	29.245.000	

	+ Tiêu mục 7001	41.710.954	
	+ Tiêu mục 7004	9.600.000	
	+ Tiêu mục 7012	299.800.300	
	+ Tiêu mục 7053	3.000.000	
	+ Tiêu mục 7757	2.145.000	
	+ Tiêu mục 7799	19.444.200	
	+ Tiêu mục 6157	57.150.000	
2	Loại ... khoản ...	7.514.885.219	
C	Quyết toán chi nguồn khác	805.872.000	
	- Mục: 7000		
	+ Tiêu mục 7001	160.741.488	
	- Mục: 7750		
	+ Tiêu mục 7799	645.130.512	
	+ Tiêu mục ...		
	...		

* Ghi chú: Nguồn NSNN bao gồm cả nguồn viện trợ

Ngày 28 tháng 02 năm 2024

Hướng đơn vị



Trần Thị Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: Trường tiểu học Bé Văn Đàn

Chương: 622

THÔNG BÁO

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

ĐV tính: đồng

Số TT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Dự toán thu		
I	Tổng số thu	900.412.154	
1	Thu phí, lệ phí		
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)		
4	Thu sự nghiệp khác	900.412.154	
	- Thu các khoản thỏa thuận	83.421.800	
	- Thu tiền vận động tài trợ	389.280.354	
	- Thu tiền dạy tiếng Anh lớp 1,2	427.710.000	
	- Tiền trông giữ xe đạp	-	
II	Số thu nộp NSNN		
1	Phí, lệ phí		
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
	(Chi tiết theo từng loại thu)		
III	Số được để lại chi theo chế độ	900.412.154	
1	Phí, lệ phí		
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Thu viện trợ		
4	Hoạt động sự nghiệp khác	900.412.154	
	- Thu các khoản thỏa thuận	83.421.800	
	- Thu tiền vận động tài trợ	389.280.354	
	- Thu tiền dạy tiếng Anh lớp 1,2	427.710.000	
	- Tiền trông giữ xe đạp	-	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		
I	Loại 490 khoản 491	6.716.781.065	
1	Chi thanh toán cá nhân	6.193.440.092	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	367.763.973	
3	Chi mua sắm, sửa chữa lớn	153.432.000	

4	Chi khác	2.145.000	
II	Loại ..., khoản ...		
C	Dự toán chi nguồn khác (nếu có)		
1	Chi thanh toán cá nhân		
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
3	Chi mua sắm, sửa chữa lớn		
4	Chi khác		

Ngày 28 tháng 02 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



★ Trần Thị Hương